

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2023/HS-ST**
Ngày: 07-8-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-HS ngày 25/7/2023, đối với bị cáo:

VÕ VIỆT PHÁT, sinh ngày 18/3/2004 tại tỉnh Bến Tre.

Trú tại: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm động tự do Trình độ học vấn: 8/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Không Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Kim H1.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị giam giữ từ ngày 02/02/2023. *(Có mặt)*

*** Bị hại: 1/ Bà Võ Thị T, sinh năm 1957**

2/ Ông Võ Văn T1, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Tổ A, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Chênh A H2, sinh năm 1982

2/ Bà Trần Cẩm B, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3/ Cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 29/8/2005

4/ Bà Ká S, sinh năm 1986 (đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu N).

Cùng trú tại: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5/ Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1997

Trú tại: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

6/ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1993

Trú tại: tổ B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

7/ Anh Đinh Ngọc T4, sinh năm 1996

Trú tại: tổ F, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

8/ Ông Đỗ Thanh C, sinh năm 1954

9/ Bà Đỗ Thị Xuân Đ, sinh năm 1983

Cùng trú tại: thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

(Bà T, cháu N, bà S có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Việt P là cháu nội của bà Võ Thị T. Do biết gia đình bà T thường xuyên vắng nhà nên P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/01/2023, P điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển số 77H2-7529 đi từ phòng trọ của P ở ấp B, xã S, huyện T về nhà của bà T tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi về nhà bà T, P đã ghé vào cửa hàng Vật liệu xây dựng Đ mượn của anh Nguyễn Ngọc T2 01 cái kìm cộng lực màu xanh - đen bằng kim loại, dài 45cm, cán bọc nhựa màu đen dài 12cm với mục đích để cắt ổ khóa nhà bà T trộm tài sản.

Sau khi mượn được kìm cộng lực P về nhà bố mẹ của P (ở sau lưng nhà bà T) cắt kìm cộng lực tại phòng ngủ của P, rồi ra ngồi ở bàn ghế đá trước nhà quan sát. Khi P thấy nhà bà T không có ai ở nhà nên đi ra phía sau nhà thì thấy cửa sau không khóa. Phát mở cửa đi vào trong nhà tìm tài sản trộm cắp. Khi đi qua phòng ngủ của bà T thì thấy cửa phòng khóa nên P đi đến phòng của ông Võ Văn T1 (con ruột bà T) thì thấy có 01 cái bóp, P mở bóp ra thấy số tiền 1.500.000 đồng (03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) nên đã lấy trộm bỏ vào túi quần đi về nhà bố mẹ của P. Sau khi về nhà, P tiếp tục ngồi ở bàn ghế đá quan sát, một lúc sau ông Võ Văn H (bố của P) và anh T1 đi làm về. Khi về nhà, ông T1 phát hiện bị mất 1.500.000 đồng nhưng không trình báo. Sau đó, ông T1 dùng cây sắt móc vào cửa sau nhà và tiếp tục đi làm. Sau khi thấy mọi người đi vắng, P lấy kìm cộng lực tiếp tục qua nhà bà T trộm cắp tài sản. P đi đến cửa sau nhà bà T dùng kìm cộng lực cắt cây sắt móc cửa đi vào phòng ngủ của bà T, P tiếp tục dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa, mở

cửa đi vào trong phòng, P đến tủ quần áo trong phòng của bà T lục tìm tài sản thì phát hiện trong ngăn kéo dưới đáy tủ có 200.000.000 đồng (tiền mệnh giá 500.000 đồng) nên đã lấy trộm bỏ vào túi quần sau bên trái. Sau đó, P tiếp tục lục quần áo trong tủ thì phát hiện 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 05 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh; 01 kiềng đeo tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 08 phân 7; 04 chiếc nhẫn vàng 18K có đính hạt (mỗi cái 02 phân); 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ nên đã lấy bỏ vào túi quần bên trái rồi cầm kim cộng lực đi về nhà bố mẹ của P.

Sau khi lấy trộm tài sản, P điều khiển xe mô tô đi đến Cửa hàng V trả kim cộng lực rồi đi về phòng trọ của mình. Khi về đến phòng trọ, P mang vàng và tiền ra cho N xem và rủ N đi mua xe mô tô và mua quần áo. N hỏi về nguồn gốc tiền và vàng thì P nói đó là tiền và vàng của P đi làm có được. Sau đó, P bỏ toàn bộ số tiền, vàng trộm được vào túi đeo trên người rồi cùng với N đến ấp A, xã S, huyện T mua 01 xe mô tô biển số 68T1-61869 của anh Nguyễn Văn T3, giá 25.000.000 đồng và sửa chữa hết 4.000.000 đồng, mua quần áo, giày dép hết 3.800.000 đồng. Sau đó, P và N đi đến tiệm V1 ở Khu phố B, thị trấn T bán 01 nhẫn vàng 18K có đính hạt, 2 nhẫn vàng 9999 (mỗi cái 5 chỉ) rồi P mua lại 01 nhẫn cưới có đính hạt, mua 02 dây chuyền vàng, lắc vàng đeo tay tặng cho N và mua 01 nhẫn cưới có đính hạt, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 5 phân cho P. Tổng cộng P phải trả thêm cho tiệm V1 9.000.000 đồng. P tiếp tục đến tiệm cầm đồ “Bình 168” ở ấp A, xã S, huyện T để cầm 01 kiềng đeo tay bằng vàng 18K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K và 1 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 2 chỉ được số tiền 37.000.000 đồng. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển số 68T1-61869 chở N đi mua 02 mũ bảo hiểm hết 3.000.000 đồng và P đưa cho N 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 5 phân và 5.000.000 đồng tặng cho bà Ká S (mẹ của N). Sau đó, P cùng với N đi Đ chơi. Đến 11 giờ 30 phút, ngày 31/01/2023, bà Nguyễn Thị Kim H1 (mẹ của P) gọi điện thoại cho P nói bà T bị mất tài sản và yêu cầu P về công an xã B làm việc. Sau khi nghe điện thoại, P và N đi từ Đ về đến xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì P để N lại và đi đến tiệm V1 (không rõ tên và địa chỉ) bán 03 nhẫn vàng 18K có đính hạt, 01 chiếc vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh với giá 5.500.000 đồng. Phát thuê phòng số 2 khách sạn “TODAY” để cất giấu tài sản và đến Công an xã B làm việc khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Công an xã B đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện T giải quyết theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 05 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh; 01 kiềng đeo tay vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 08 phân 7; 04 chiếc nhẫn vàng 18K có đính hạt (mỗi cái 02 phân); 02 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ Võ Việt Phát trộm cắp của bà T trị giá 105.918.000 đồng.

Ngày 10/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Võ Việt P về tội: “Trộm cắp tài sản” để điều tra. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 161/CT/VKS-TB ngày 20/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Võ Việt P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Việt P từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 175.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1 chỉ 1 phân 8 ly, 02 nhẫn vàng cưới 18K có đính hạt, 01 lắc tay bằng vàng 18K trọng lượng 1 chỉ 0 phân 7 ly 4, 1 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 3 chỉ 1 phân 9 ly 2, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 5 phân, 01 kiềng đeo tay vàng 18K trọng lượng 1 chỉ 8 phân 7, 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 5 chỉ, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 2 chỉ là tài sản Phạt trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bà T.

- Đối với xe mô tô biển số 68T1-618.69, P dùng số tiền trộm cắp của bà T mua nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bà T.

- Đối với 01 ổ khóa Việt Tiệp của bà T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bà T.

- Đối với 01 kim cộng lực P dùng để trộm cắp là của anh T1. Anh Tú không biết P mượn kim để đi trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho anh T1.

- Đối với 01 tua vít P không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho P.

- Đối với xe mô tô biển số 77H2-7529 của P sử dụng vào việc phạm tội đề nghị Tòa án tịch thu sung công.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình P đã trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho ông Võ Văn T1 và trả lại số tiền, vàng Phạt trộm cắp của bà T. Ông T1 và bà T đã nhận lại tài sản và không thắc mắc gì về dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Để có tiền tiêu xài và mua sắm đồ dùng cá nhân, bị cáo Võ Việt P đã lợi dụng việc bà Võ Thị T đi làm vắng nhà, không có người trông coi. Bị cáo đã lén lút sử dụng tay mở cây sắt móc cửa để đi vào trong nhà, sử dụng kim cộng lực cắt ổ khóa để đi vào trong phòng ngủ của bà T, lục tìm được và chiếm đoạt số tài sản gồm: Số tiền 1.500.000 đồng trong bóp, số tiền 200.000.000 đồng dưới đáy tủ và lục quần áo trong tủ được 01 sợi dây chuyền vàng 24K (trọng lượng 05 chỉ), 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh; 01 kiềng đeo tay vàng 18K (trọng lượng 01 chỉ 08 phân 7), 04 chiếc nhẫn vàng 18K có đính hạt (trọng lượng mỗi cái 02 phân), 02 nhẫn vàng 9999 (trọng lượng 05 chỉ) và 01 nhẫn vàng 9999 (trọng lượng 02 chỉ). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 307.418.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật. Nhưng vì bị cáo lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nên đã bất chấp các quy định trừng phạt của pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống tuân thủ pháp luật.

[4] Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã được thu hồi, đã bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại – bà Võ Thị T (là bà nội của bị cáo) có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu: số tiền 175.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18K, 02 nhẫn vàng cưới 18K có đính hạt, 01 lắc tay bằng vàng 18K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K, 01 nhẫn vàng 9999, 01 kiềng đeo tay vàng 18K, 01 sợi dây chuyền vàng 24K, 01 nhẫn vàng 9999; 01 xe mô tô biển số 68T1-618.69, 01 ống khóa Việt Tiệp; 01 kim cộng lực; 01 tua vít là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[5.2] Đối với 01 xe mô tô biển số 77H2-7529 của bị cáo P, đã sử dụng vào việc phạm tội, là vật chứng còn giá trị sử dụng nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – bà Võ Thị T, ông Võ Văn T1 đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với cháu Nguyễn Thị Yến N không biết, không tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo P; bà Ká S được bị cáo P tặng 01 nhẫn vàng 9999 (trọng lượng 5 phân), số tiền 5.000.000 đồng và không biết tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có; Anh Nguyễn Ngọc T2 cho bị cáo P mượn kim công lực, không biết bị cáo P sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Ông Chênh A H2 là chủ tiệm cầm đồ 168 và tiệm V1” đã cầm cố, mua và bán vàng, nhưng không biết số vàng này là do bị cáo phạm tội mà có; Ông Nguyễn Văn T3 bán xe cho bị cáo P và không biết bị cáo dùng tài sản trộm cắp để mua. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã không xử lý những người nêu trên là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị về phần hình phạt đối với bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Võ Việt P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Việt P **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 77H2-7529 (đã qua sử dụng).

(Vật chứng nêu trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Võ Việt P phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Đường sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ CA h.Trảng Bom;
- Công an h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung

